

Các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên
Trường Đại học Bạc Liêu
Factors affecting students' learning motivation
at Bac Lieu University

Trần Thị Kim Ngân^{1*}, Nguyễn Thị Thu Hậu¹

¹Trường Đại học Bạc Liêu

*ttkngan@blu.edu.vn

Ngày nhận bài:

10/12/2023

Ngày chấp nhận đăng:

06/03/2024

ABSTRACT

The training quality of a university rated high or low is mainly based on the learning results of students. Student learning outcomes are mainly based on students' learning motivation. This article aims to find the factors that affect the learning motivation of students at Bac Lieu University. The study was conducted with a survey of students from 4 faculties from year 1 to year 4 of Bac Lieu University with a total of 342 survey samples. Through qualitative and quantitative analysis, the findings suggest that there are 7 factors affecting the learning motivation of students at Bac Lieu University, including: Learning environment, learning conditions, family and friends, teaching staff, training programs, training management and student affairs. Among them, the learning environment factor has the strongest influence on students' learning motivation, and the faculty factor has the weakest influence. Based on the research results, future research directions can be researched into solutions to improve the learning motivation of students at Bac Lieu University.

Keywords: Learning motivation, student, Bac Lieu University.

TÓM TẮT

Chất lượng đào tạo của một trường đại học được đánh giá cao hay thấp chủ yếu dựa vào kết quả học tập của sinh viên. Kết quả học tập của sinh viên chủ yếu dựa vào động lực học tập của sinh viên. Bài viết này nhằm tìm ra các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu. Nghiên cứu được thực hiện khảo sát với sinh viên của 4 khoa từ năm 1 đến năm 4 của Trường Đại học Bạc Liêu với tổng 342 quan sát. Thông qua phân tích định tính và định lượng, nhóm tác giả chỉ ra có 7 nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, bao gồm: Môi trường học tập, điều kiện học tập, gia đình và bạn bè, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, công tác quản lý đào tạo và công tác sinh viên. Trong đó, nhân tố môi trường học tập có ảnh hưởng mạnh nhất đến động lực học tập của sinh viên, nhân tố đội ngũ giảng viên có ảnh hưởng yếu nhất. Dựa vào kết quả nghiên cứu hướng nghiên cứu tiếp theo có thể nghiên cứu các giải pháp nhằm nâng cao động lực học tập của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu.

Từ khóa: Động lực học tập, sinh viên, Trường Đại học Bạc Liêu.

1. Giới thiệu

Một trong những yếu tố quyết định kết quả học tập của sinh viên chính là động lực và động cơ học tập. Động lực học tập là một trong những thành phần có tính chất then chốt nhất trong việc học tập (Slavin, 2008). Động cơ học tập được hình thành từ nhiều khía cạnh, có động cơ bên trong nhà trường, động cơ bên ngoài xã hội và tự bản thân sinh viên. Vậy sự khác nhau giữa động cơ và động lực là gì? Động cơ là lý do tại sao chúng ta muốn làm một việc nào đó, còn động lực nằm ngoài cả lý do mà bạn muốn làm, động cơ là cụ thể còn động lực là tổng quát. Nói cách khác động cơ là cần đến sức mạnh, năng lượng hay tác động ngoại vi trong khi động lực tồn tại từ bên trong, do sức mạnh hay năng lượng nội tại tạo ra mà không cần đến yếu tố ngoại vi. Động cơ là ngắn hạn còn động lực là lâu dài. Nếu động cơ là “thích/muốn” thì động lực là đam mê/nên. Những năm gần đây nhiều tác giả nghiên cứu về các nhân tố ảnh hưởng đến động lực, động cơ học tập của sinh viên như Nguyễn Trọng Nhân (2014), Hoàng Thị Mỹ Nga (2016), Hoàng Thu Hiền (2021), Lê Ngọc Đoàn Trang (2021), các bài viết thường sử dụng khái niệm động lực hoặc động cơ cho bài viết của mình. Tuy nhiên bài viết của nhóm tác giả chọn khái niệm động lực để nhấn mạnh rằng sinh viên muốn học tốt một ngành nghề mà mình đã chọn thì cần phải có đam mê với ngành học đó chứ không phải là chỉ có thích. Nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên sẽ giúp cho các nhà quản lý giáo dục tiếp cận và khám phá năng lực tiềm tàng của sinh viên. Do vậy, một trong các công tác của việc giáo dục là phải làm sao thúc đẩy được động lực học tập của sinh viên. Phạm Minh Hạc (2002) cho rằng: “Động lực của người học quyết định kết quả và hiệu quả của hoạt động giáo dục”. Đây là một trong những tiêu chí quan trọng để nâng cao chất lượng đào tạo, cũng như giá trị của cả quá trình học tập lâu dài của sinh viên, vì động lực học tập là một phẩm chất đặc biệt quan trọng trong nhân cách sinh viên.

Hiện tại chưa có nghiên cứu nào nghiên cứu đến các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu năm 2024. Hơn thế nữa những năm gần đây kết quả học tập của sinh viên ngày càng giảm hơn so với các năm trước. Tỷ lệ khá, giỏi, xuất sắc giảm nhiều hơn so với các khóa đầu do các em chưa nhận thức được

tầm quan trọng của việc học, dành nhiều thời gian cho làm thêm và chơi game... Vậy, nghiên cứu “Các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu” cần được thực hiện, để có những định hướng đúng đắn, thúc đẩy động lực học tập cho sinh viên. Nắm được các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu sẽ giúp cho Trường Đại học Bạc Liêu, giảng viên và sinh viên sẽ có những định hướng mới nhằm giúp sinh viên yêu thích ngành nghề mình đã chọn và theo học để từ đó nâng cao chất lượng học tập của sinh viên.

2. Cơ sở lý thuyết

2.1. Động lực học tập

Động lực là yếu tố cơ bản khi xem xét việc học tập của sinh viên. Giảng viên có thể hỗ trợ trong việc gia tăng và phát triển động lực học tập, giúp sinh viên đạt thành tích tối ưu trong lớp học. Ngoài ra, thông qua việc tạo môi trường học tập thuận lợi, thiết lập mục tiêu học tập rõ ràng cùng với sự nhiệt tình trong bài giảng có thể giúp sinh viên tìm thấy niềm vui và hứng thú trong học tập (Valerio, 2012).

Động lực học tập là sự nỗ lực của bản thân người học để hoàn thành những mục tiêu và thỏa mãn nhu cầu về việc học tập. Động lực học tập chính là điều đẩy chúng ta hướng về phía trước. Động lực không chỉ góp phần giúp ta có hứng thú, làm tốt hơn trong công việc, mà còn mang đến cảm giác hạnh phúc và suy nghĩ tích cực trong quá trình học tập. Theo Phan Trọng Ngọ: “Động lực học tập là cái mà việc học của họ phải đạt được để thỏa mãn nhu cầu của mình. Nói ngắn gọn, học viên học vì cái gì”.

Việc nâng cao mức độ hài lòng của sinh viên đối với nhà trường và kết quả học tập của người học có ảnh hưởng đến hiệu quả cũng như chất lượng của cơ sở đào tạo. Kết quả tất yếu của việc này là làm nâng cao khả năng cạnh tranh của các trường đại học, nâng cao vị thế của cơ sở đào tạo trong mắt sinh viên và cả giảng viên. Đồng thời làm giảm chi phí tuyển sinh cũng như tuyển dụng của nhà trường (Nguyễn Trọng Nhân và cộng sự, 2014). Trong nghiên cứu của Slavin, R.E (2013) chỉ ra rằng việc sử dụng phương pháp giảng dạy hiệu quả, môi trường học tập phù hợp và việc chủ động trong học tập có thể gia tăng động lực học tập của sinh viên. Cụ thể việc khuyến khích xây dựng môi trường học tập năng động như tạo sự

tranh luận, hay cơ hội thảo luận, xây dựng môi trường học tập hợp tác và làm việc theo nhóm nhỏ có thể khuếch đại động lực học tập của sinh viên.

2.2. Mô hình nghiên cứu

Nhiều nghiên cứu của các nhà khoa học trong và ngoài nước đã chỉ ra rằng động lực học tập có vai trò quan trọng trong quá trình học tập của sinh viên. Các yếu tố ảnh hưởng đến động lực của sinh viên trong quá trình học tập bao gồm các yếu tố môi trường như sự sạch sẽ của lớp học, hành vi của giáo viên với người học và mức độ quan tâm của sinh viên đối với nội dung khóa học cụ thể (Johnson, 2008).

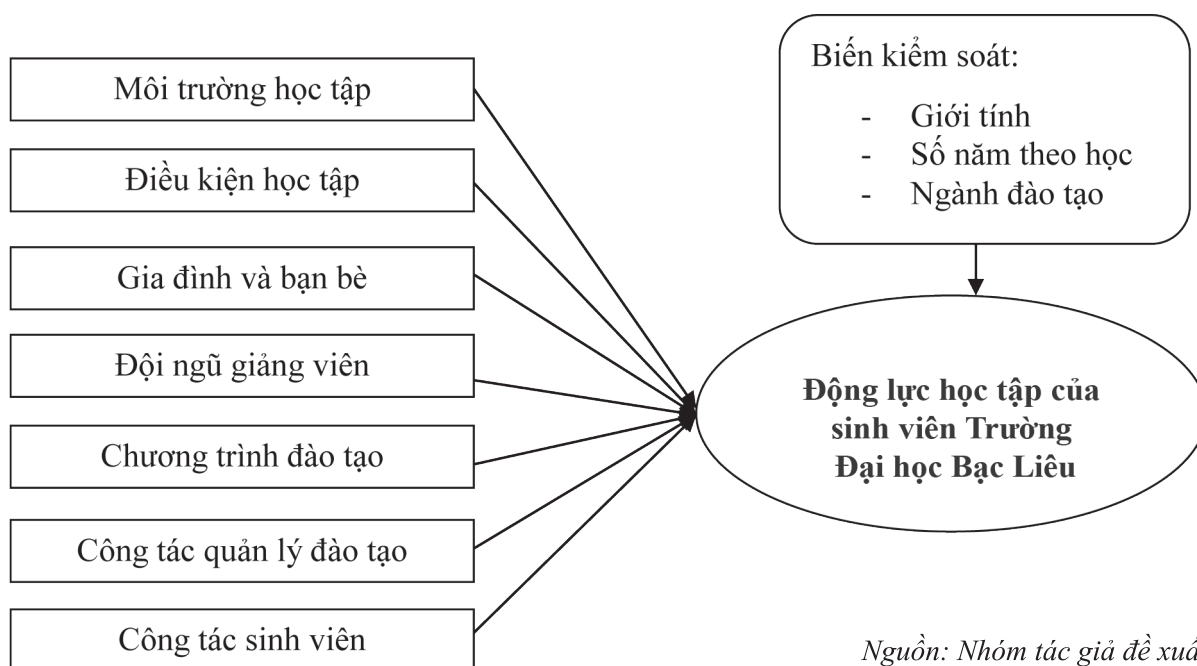
Nghiên cứu của Hoàng Thị Mỹ Nga và Nguyễn Tuấn Kiệt (2016) phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Kinh tế trường Đại học Cần Thơ. Nghiên cứu này được thực hiện đối với sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu với quy mô rộng hơn so với nghiên cứu vừa

nêu. Điều này là cần thiết để cung cấp thêm bằng chứng về sự khác biệt và làm cơ sở vững chắc cho nhóm tác giả.

Ngoài ra, nhóm tác giả đã đưa một số nhân tố từ các nghiên cứu khác để đưa vào mô hình nghiên cứu đề xuất. Qua chọn lọc, nhóm tác giả đã đưa nhân tố gia đình và bạn bè vào mô hình nghiên cứu đề xuất. Như vậy, mô hình nghiên cứu đề xuất gồm 7 yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu bao gồm: (1) Môi trường học tập, (2) Điều kiện học tập, (3) Gia đình và bạn bè, (4) Đội ngũ giảng viên, (5) Chương trình đào tạo, (6) Công tác quản lý đào tạo, (7) Công tác sinh viên.

Từ việc tổng hợp lý thuyết và phỏng vấn 10 chuyên gia là những giảng viên có kinh nghiệm giảng dạy tại khoa kinh tế, Trường Đại học Bạc Liêu, nhóm tác giả đã đưa ra mô hình nghiên cứu như Hình 1.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Nhóm tác giả đề xuất

Mô hình bao gồm nhóm biến kiểm soát và 7 nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên. Nhóm nhân tố này được đo lường bằng sự tự đánh giá của sinh viên với 32 biến được đo bằng thang đo Likert 5 mức độ (1: Rất không đồng ý đến 5: Rất đồng ý). Dựa trên mô hình nghiên cứu được đề xuất và những nghiên cứu liên quan, nhóm tác

giả đặt ra các giả thuyết như sau:

- Môi trường học tập càng tốt thì sinh viên càng yêu thích ngành nghề của mình đang theo học. Giả thuyết 1 (H1): Môi trường học tập (MHTT) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.
- Khi sinh viên có điều kiện học tập tốt thì

sẽ tạo động lực cho sinh viên nghiên cứu trong học tập. Giả thuyết 2 (H2): Điều kiện học tập (DKHT) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Gia đình và bạn bè ủng hộ sinh viên sẽ giúp sinh viên yêu thích việc học hơn. Giả thuyết 3 (H3): Gia đình và bạn bè (GDBB) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Đội ngũ giảng viên có phương pháp giảng dạy tích cực và trình độ chuyên môn cao sẽ giúp sinh viên yêu thích môn học của mình. Giả thuyết 4 (H4): Đội ngũ giảng viên (DNGV) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Chương trình đào tạo với những môn gắn liền với thực tiễn và mang tính ứng dụng cao sau khi tốt nghiệp đi làm giúp sinh viên đam mê hơn trong việc nghiên cứu học tập. Giả thuyết 5 (H5): Chương trình đào tạo (CTDT) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

- Khi công tác quản lý đào tạo tốt sinh viên sẽ thấy mình được quan tâm. Giả thuyết 6 (H6): Công tác quản lý đào tạo (CTQLDT) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Công tác sinh viên là một trong những công việc cần được thực hiện tốt để sinh viên có thể tham gia được nhiều hoạt động khi học tập. Giả thuyết 7 (H7): Công tác sinh viên (CTSV) có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Phương pháp thu thập và xử lý số liệu

3.1.1. Nghiên cứu định tính

Thang đo được xây dựng trên cơ sở lý thuyết, cùng với sự tổng hợp, xem xét đánh giá việc các thang đo đã được kiểm định trong các nghiên cứu trước đây. Trong đó, nghiên cứu tài liệu trước đây về các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao động lực học tập của sinh viên.

Với bảng câu hỏi khảo sát được xây dựng, tác giả tiến hành khảo sát thử 10 đối tượng là giảng viên và 20 đối tượng là sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu nhằm điều chỉnh và bổ sung các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên.

Thông qua kết quả nghiên cứu định tính này, thang đo nháp sẽ được điều chỉnh và sau đó sẽ được dùng cho nghiên cứu định lượng.

3.1.2. Nghiên cứu định lượng

Thang đo chính thức sau khi đã được hiệu chỉnh thang đo nháp sẽ dùng cho nghiên cứu định lượng. Nghiên cứu này sẽ kiểm định thang đo, mô hình nghiên cứu và giả thuyết. Các thang đo này được kiểm định trở lại bằng phương pháp hệ số tin cậy Cronbach Alpha và phân tích nhân tố khám phá EFA. Tiếp theo sau khi kiểm định thang đo, các biến còn lại sẽ được sử dụng để kiểm định giả thuyết và mô hình nghiên cứu bằng phương pháp phân tích tương quan, hồi quy tuyến tính bội.

3.1.3. Phương pháp xử lý số liệu

Sau khi tiến hành thu thập, dữ liệu được thống kê bằng phần mềm Excel. Sau đó, dữ liệu được đưa vào phần mềm SPSS 20 để hỗ trợ tính toán số liệu thống kê mô tả, phân tích nhân tố khám phá EFA và chạy hồi quy tuyến tính.

Phân tích nhân tố khám phá EFA nhằm loại bỏ những biến quan sát không phù hợp, xem xét sự hội tụ và phân biệt của các nhóm biến nghiên cứu.

Phân tích hồi quy nhằm xem xét mối quan hệ tuyến tính giữa các biến trong mô hình nghiên cứu.

3.2. Phương pháp chọn mẫu

Theo Hoàng Trọng và Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), trong phân tích nhân tố thì thông thường số quan sát (cỡ mẫu) ít nhất phải bằng 4 hay 5 lần số biến. Trong bài nghiên cứu này, có 7 biến độc lập bao gồm 32 biến quan sát và 1 biến phụ thuộc bao gồm 4 biến quan sát. Do đó, số quan sát cần thiết là $36 \times 5 = 180$ mẫu trở lên. Để đảm bảo tính chính xác của nghiên cứu nên tác giả chọn số lượng mẫu để khảo sát là 342 mẫu. Mẫu số liệu được thu thập theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện vì nhóm tác giả là giảng viên và đối tượng nghiên cứu là sinh viên nên dễ dàng tiếp cận mẫu khảo sát.

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Thống kê mô tả

Số mẫu khảo sát thu về là 342 mẫu của sinh viên các Khoa tại Trường Đại học Bạc Liêu. Trong đó, khoa Kinh tế chiếm 33,1%, khoa Công nghệ thông tin là 29%, khoa Nông nghiệp là 22,4% và khoa Sư phạm là 15,5%. Thời gian khảo sát từ

tháng 10/2023 đến tháng 11/2023 tại các lớp học sinh viên của Trường Đại học Bạc Liêu.

4.2. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Về mặt lý thuyết, thang đo có hệ số

Cronbach's alpha càng cao càng tốt (thang đo càng cao càng có độ tin cậy cao). Trong nghiên cứu này, khi kiểm định độ tin cậy Cronbach's alpha ta có kết quả như sau:

Bảng 1: Hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo

Biến quan sát	Biến đặt trung	Cronbach's Alpha
Môi trường học tập	5	0,805
Điều kiện học tập	4	0,871
Gia đình và bạn bè	4	0,884
Đội ngũ giảng viên	6	0,969
Chương trình đào tạo	5	0,882
Công tác quản lý đào tạo	5	0,907
Công tác sinh viên	3	0,763

Nguồn: Kết quả dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, năm 2023

4.3. Phân tích nhân tố khám phá EFA

Trong nghiên cứu này, do số biến quan sát gồm có 7 thang đo của nhân tố độc lập (gồm 32 biến quan sát). Với kết quả KMO thu được bằng

0,842 (thỏa mãn tiêu chí $0,5 \leq KMO \leq 1$), nên kết luận là phân tích yếu tố thích hợp với dữ liệu thực tế, ngoài ra các biến quan sát có tương quan tuyến tính với nhân tố đại diện do $Sig. = 0,000 \leq 0,5$.

Bảng 2: Kết quả hệ số KMO

Hệ số KMO	0,842
Giá trị chi bình phương	7.601,146
Sig	,000

Nguồn: Kết quả dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, năm 2023

Tiếp tục kiểm định phương sai trích (% cumulation variance) của các yếu tố, ta thấy trong Bảng tổng phương sai được giải thích (Total Variance Explained), phương sai cộng dồn của các yếu tố (cumulation %) là 71,702%, thỏa mãn tiêu chuẩn phương sai trích phải $>50\%$ (Đinh Phi Hồ 2012). Điều này có nghĩa là 71,702 % thay đổi của các nhân tố được giải thích bởi các biến quan sát (thành

phần của Factor). Ngoài ra, theo Gerbing và Anderson (1988), các nhân tố có Eigenvalue <1 sẽ không có tác dụng tóm tắt thông tin tốt hơn biến gốc (biến tiềm ẩn trong các thang đo trước khi EFA). Vì thế, các nhân tố chỉ được rút trích tại Eigenvalue >1 và được chấp nhận khi tổng phương sai trích $\geq 50\%$. Kết quả nghiên cứu này có 7 nhân tố đại diện đảm bảo được tiêu chuẩn có Eigenvalue >1 .

Bảng 3: Kiểm định phương sai trích

Nhân tố	Hệ số Eigenvalues khởi tạo			Chỉ số sau khi trích			Chỉ số sau khi xoay		
	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %	Tổng	% phương sai	Phương sai tích lũy %
1	8,277	25,864	25,864	8,277	25,864	25,864	4,798	14,994	14,994

2	3,716	11,611	37,476	3,716	11,611	37,476	3,755	11,736	26,730
3	2,845	8,891	46,366	2,845	8,891	46,366	3,314	10,355	37,085
4	2,571	8,034	54,401	2,571	8,034	54,401	3,072	9,600	46,685
5	2,222	6,945	61,346	2,222	6,945	61,346	3,014	9,419	56,103
6	1,980	6,188	67,533	1,980	6,188	67,533	2,932	9,161	65,265
7	1,334	4,169	71,702	1,334	4,169	71,702	2,060	6,437	71,702

Nguồn: Kết quả dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, năm 2023

Tiếp tục với kết quả của phân tích nhân tố khám phá, ta có ma trận nhân tố xoay (Rotated component matrix) trong đó thể hiện các biến đặc trưng đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5. Có 7 nhân tố đại diện cho tác động đến động cơ học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu.

Bảng 4: Bảng ma trận xoay

	Nhân tố						
	1	2	3	4	5	6	7
DNGV1	0,880						
DNGV6	0,858						
DNGV3	0,854						
DNGV5	0,846						
DNGV2	0,842						
DNGV4	0,788						
CTDT3		0,851					
CTDT5		0,805					
CTDT2		0,773					
CTDT4		0,745					
CTDT1		0,700					
CTQLDT5			0,846				
CTQLDT1			0,795				
CTQLDT4			0,741				
CTQLDT2			0,725				
CTQLDT3			0,638				
MTHT2				0,908			
MTHT3				0,888			
MTHT1				0,735			
MTHT5				0,641			
MTHT4				0,611			
GDBB3					0,873		
GDBB4					0,844		
GDBB1					0,830		
GDBB2					0,818		
DKHT3						0,912	
DKHT2						0,910	
DKHT4						0,886	
DKHT1						0,659	
CTSV2							0,871
CTSV1							0,799
CTSV3							0,794

Nguồn: Kết quả dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, năm 2023

4.4. Phân tích hồi quy

4.4.1. Kiểm định mức độ phù hợp của mô hình

Theo kết quả R^2 hiệu chỉnh (Adjusted R Square) là 0,564, có nghĩa là 56,4% có nghĩa là

các biến MTHT, DKHT, GDBB, DNGV, CTDT, CTQLDT, CTSV, HDPT ảnh hưởng đến 55,3% sự thay đổi đến biến phụ thuộc còn lại là 44,7% do sự ảnh hưởng của biến ngoài mô hình chưa tìm được hoặc do sai số.

Bảng 5: Đánh giá mức độ phù hợp của mô hình

Mô hình	Hệ số R	Hệ số R^2	Hệ số R^2 hiệu chỉnh	Sai số chuẩn của ước lượng	Hệ số Dubin Watson
1	0,751 ^a	0,564	0,554	0,564	1,860

Nguồn: Kết quả dữ liệu khảo sát sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, năm 2023

Ngoài ra các biến độc lập này có $\text{sig.}=0,000$ ($<0,05$) do đó các biến độc lập có tương quan với biến phụ thuộc.

4.4.2. Kiểm định độ phù hợp của mô hình

Hệ số phóng đại VIF (Variance inflation factor – VIF) rất nhỏ (nhỏ hơn 2) cho thấy các biến độc lập này không có quan hệ chặt chẽ với nhau nên không có hiện tượng đa cộng tuyến xảy ra. Do đó, mối quan hệ giữa các biến độc lập không ảnh hưởng đến kết quả giải thích của mô hình.

Giá trị sig. của các biến độc lập đều nhỏ hơn 0,05. Hệ số hồi quy chuẩn hóa của biến môi trường học tập (MTHT) bằng 0,326 cao nhất trong hệ số hồi quy chuẩn hóa, công tác quản lý đào tạo (CTQLDT) là 0,285, điều kiện học tập (DKHT) là 0,256, công tác sinh viên (CTSV) là 0,179, gia đình và bạn bè (GDBB) là 0,178, công tác đào tạo (CTDT) là 0,131 và đội ngũ giảng viên (DNGV) là 0,107.

Từ kết quả kiểm định hồi quy ta thấy rằng: Khi điểm đánh giá của môi trường học tập tăng lên 1 thì động lực học tập của sinh viên tăng lên 0,326 điểm. Tương tự, khi điểm của công tác quản lý đào tạo tăng lên 1 thì động lực học tập tăng lên 0,285 điểm. Khi điểm đánh giá của điều kiện học tập, công tác sinh viên, gia đình bạn bè, chương

trình đào tạo và đội ngũ giảng viên tăng lên 1 thì động lực học tập của sinh viên tăng lên lần lượt là 0,256 điểm, 0,179 điểm, 0,178 điểm, 0,131 điểm và 0,107 điểm.

4.5. Thảo luận

Giả thuyết H_1 cho rằng, môi trường học tập có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,326$ với $\text{sig.}=0,000<0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_1 : Môi trường học tập có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là một trường học tập càng tốt thì động lực học tập càng cao.

Giả thuyết H_2 cho rằng điều kiện học tập có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,256$ với $\text{sig.}=0,000<0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_2 : Điều kiện học tập có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là điều kiện học tập càng tốt, càng thuận lợi thì động lực học tập càng cao.

Giả thuyết H_3 cho rằng, gia đình và bạn bè có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy

hệ số $\beta = 0,178$ với $\text{sig} = 0,000 < 0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_3 : Gia đình và bạn bè có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là gia đình và bạn bè càng ủng hộ, giúp đỡ thì động cơ học tập càng cao.

Giả thuyết H_4 cho rằng đội ngũ giảng viên có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,107$ với $\text{sig} = 0,013 < 0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_4 : Đội ngũ giảng viên có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là đội ngũ giảng viên có năng lực càng cao, sự quan tâm của giảng viên với sinh viên càng nhiều thì động lực học tập của sinh viên càng cao.

Giả thuyết H_5 cho rằng chương trình đào tạo có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,131$ với $\text{sig} = 0,006 < 0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_5 : Chương trình đào tạo có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là chương trình đào tạo càng phù hợp thì động lực học tập của sinh viên càng cao.

Giả thuyết H_6 cho rằng, công tác quản lý đào tạo có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,285$ với $\text{sig} = 0,000 < 0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_6 : Công tác quản lý đào tạo có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là công tác quản lý đào tạo càng tốt thì động lực học tập của sinh viên càng cao.

Giả thuyết H_7 cho rằng, công tác sinh viên có tác động cùng chiều đến động lực học tập của sinh viên. Căn cứ vào kết quả hồi quy cho ta thấy hệ số $\beta = 0,179$ với $\text{sig} = 0,000 < 0,05$ nghĩa là có ý nghĩa về mặt thống kê. Vậy giả thuyết H_7 : Công tác sinh viên có tác động cùng chiều với động lực học tập của sinh viên được chấp nhận. Tức là công tác quản lý sinh viên càng tốt thì động lực học tập càng cao.

5. Kết luận và hàm ý quản trị

5.1. Kết luận

Qua quá trình phân tích về các yếu tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu, bài nghiên cứu đã tìm ra các yếu tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên tại Trường Đại học Bạc Liêu: Môi trường học tập, điều kiện học tập, gia đình và bạn bè, đội ngũ giảng viên, chương trình đào tạo, công tác quản lý đào tạo và công tác sinh viên. Hầu hết mức đánh giá của sinh viên đối với các tiêu chí thuộc các thang đo ảnh hưởng đến động lực học tập ở mức trung bình và tương đối tốt. Điều này chứng tỏ mức độ ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu đạt tương đối cao.

5.2. Hàm ý quản trị

Hàm ý quản trị đối với Nhà trường:

Trường Đại học Bạc Liêu nên công bố rộng rãi những đặc tính, những tiêu chuẩn mà mỗi ngành nghề cần để cho sinh viên có những định hướng đúng đắn trong quá trình chọn nghề. Vì khi sinh viên chọn đúng ngành nghề mình yêu thích sẽ giúp cho sinh viên có nhiều động lực trong học tập. Bên cạnh đó Nhà trường nên xây dựng các đội ngũ tư vấn tuyển sinh là những chuyên gia am hiểu về các ngành nghề đó.

Nhà trường cần tổ chức các lớp kỹ năng mềm hoặc xây dựng trong chương trình đào tạo các môn học liên quan đến kỹ năng mềm để sinh viên có thêm ý chí và động lực vươn lên trong học tập.

Nhà trường cũng nên mở các lớp tập huấn, hội thảo về các phương pháp giảng dạy tích cực, Tiếng Anh cũng như Tin học cho giảng viên để các giảng viên học hỏi lẫn nhau để giảng dạy đạt hiệu quả vì khi giảng viên có phương pháp giảng dạy phù hợp với các đối tượng sinh viên sẽ giúp sinh viên có nhiều hứng thú hơn trong học tập.

Nhà trường cũng nên xây dựng các chương trình đào tạo gắn liền với thực tiễn và nhu cầu tuyển dụng của nhà tuyển dụng, tránh đưa vào các môn học hàn lâm, khó học mà không áp dụng nhiều khi sinh viên tốt nghiệp đi làm.

Nhà trường nên công khai các văn bản pháp lý liên quan đến công tác quản lý đào tạo và công tác sinh viên trên trang web của trường để khi sinh viên muốn tìm hiểu thông tin gì thì có thể tự mình tìm hiểu không cần qua sự hỗ trợ của cố vấn học tập hay ban cán sự lớp.

Hàm ý quản trị đối với giảng viên:

Giảng viên phải là người gương mẫu trong mọi hoạt động giảng dạy. Cụ thể, giảng viên cần phải có đạo đức và trình độ chuyên môn. Mỗi giảng viên trước hết cần phải tự chấn chỉnh, rèn luyện và thể hiện chuẩn mực đạo đức, gương mẫu trong công tác giảng dạy của mình. Giảng viên nên tổ chức hướng dẫn cho sinh viên tự nghiên cứu, phát hiện ra cái mới, có những cách giải quyết sáng tạo cho nhiệm vụ học tập, có những trải nghiệm tốt đẹp trong quá trình học, dần dần làm phát sinh nhu cầu của sinh viên về tri thức khoa học, nhu cầu giải quyết các vấn đề trong học tập, ứng dụng trong cuộc sống. Thêm vào đó, giảng viên cần phải không ngừng học tập, nâng cao trình độ chuyên môn trong lĩnh vực mà mình giảng dạy, cũng như tin học và ngoại ngữ.

Giảng viên nên tham gia học bậc học cao hơn để nâng cao trình độ chuyên môn và khả năng nghiên cứu khoa học của mình để truyền động lực học tập cho sinh viên mà mình giảng dạy.

Hàm ý quản trị đối với sinh viên:

Đối với bản thân mỗi người sinh viên nên đặt ra những mục tiêu cho mình và biết tự cố gắng trong mọi hoàn cảnh, không nản lòng, kiên trì để thực hiện mục tiêu của bản thân, quyết tâm học tập tốt. Mỗi sinh viên phải tự xây dựng kế hoạch học tập cho riêng mình. Kế hoạch học tập có thể theo tuần, tháng, học kỳ hoặc theo năm. Kế hoạch càng chi tiết thì sinh viên càng đạt được mục tiêu của mình nhanh hơn.

Hàm ý quản trị giúp Trường Đại học Bạc Liêu dựa vào đó để xây dựng các giải pháp nâng cao động lực học tập cho sinh viên. Bài viết cũng giúp cho các nhà nghiên cứu có định hướng nghiên cứu vấn đề này tại các trường đại học tương tự hoặc nghiên cứu về các giải pháp nhằm nâng cao động lực học tập của sinh viên Trường Đại học Bạc Liêu từ kết quả nghiên cứu này.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Đinh Phi Hồ, *Phương pháp nghiên cứu định lượng và những nghiên cứu thực tiễn trong kinh tế phát triển – Nông nghiệp*, NXB Phương Đông, 2011.
- Gerbing, D. W. & Anderson, J. C. (1988). *An Updated Paradigm for Scale Development Incorporating Unidimensionality and Ít Assessment*. Journal of Marketing Research 25 (2): 186-192.
- Hoàng Trọng, Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008). *Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS*, Nhà xuất bản Lao động – Xã hội, tập 1-2. Nhà xuất bản Hồng Đức.
- Hoàng Thị Mỹ Nga, Nguyễn Tuấn Kiệt (2016). *Phân tích các nhân tố tác động đến động lực học tập của sinh viên Kinh tế trường Đại học Cần Thơ*. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 46, trang 107- 115.
- Hoàng Thu Hiền, Hoàng Thị Phương Lan (2021). *Nghiên cứu các nhân tố ảnh hưởng đến động lực học tập của sinh viên khối ngành Kinh tế - Trường Đại học Kinh tế - Kỹ thuật công nghiệp*. Tạp chí khoa học & Công nghệ, số 20, trang 42-53.
- Nguyễn Trọng Nhân, Trương Thị Kim Thủy (2014). *Những nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên ngành Việt Nam học*, Trường Đại học Cần Thơ. Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ, số 33, trang 106-113.

- Phạm Minh Hạc (2002), *Tuyển tập tâm lý học*, Nhà xuất bản giáo dục.
- Slavin (2008). *Motivating Student to Learn, Educational Psychology: Theory and Practice 9th Edition*, Allyn & Bacon.
- Slavin, R. E. (2013). *Educational psychology: Theory and practice*. London, UK: Pearson Press.
- Valerio, K. (2012). *Intrinsic motivation in the classroom*. Student Engagement: Education Matters, 2, 30-35.
- Lê Ngọc Đoan Trang, Nguyễn Minh Lâu (2021). *Các nhân tố ảnh hưởng đến động cơ học tập của sinh viên các trường đại học địa bàn tỉnh Vĩnh Long*. Truy cập: <https://tapchicongthuong.vn/cac-nhan-to-anh-huong-den-dong-co-hoc-tap-cua-sinh-vien-cac-truong-dai-hoc-dia-ban-tinh-vinh-long-85375.htm>